

Số: /TB-BV

Hoàng Su Phì, ngày tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Máy chạy thận nhân tạo và hệ thống xử lý nước RO cho máy chạy thận nhân tạo năm 2023 phục vụ công tác khám, chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Sái Hữu Tuyên; Khoa Dược – VT, TBYT. Số điện thoại : 0986.845.523
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đơn vị nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì. Địa chỉ: Tổ 3 thị trấn Vinh Quang huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang
- Nhận qua email: khoaduochsp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 29 tháng 10 năm 2023 .

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- 02 Máy chạy thận nhân tạo; 01 Hệ thống xử lý nước RO cho máy chạy thận nhân tạo. (Theo phụ lục I đính kèm).
- Địa điểm cung cấp lắp đặt: Tại Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang.
- Thời gian dự kiến giao hàng: Quý IV/2023 hoặc Quý I/2024
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào Tài khoản của Bên bán tại ngân hàng của Bên Bán. Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng hàng hóa cung cấp.
 - Điều kiện thanh toán và thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán cho

Bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục mua bán theo quy định (hóa đơn, biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa và các giấy tờ liên quan khác theo quy định hiện hành).

- Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Việt Nam đồng.

5. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục 2

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị!

Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Hà Giang;
- Đăng website Sở y tế;
- Đăng website bệnh viện;
- Lưu: Hồ sơ mời thầu KT,KD, VT.

GIÁM ĐỐC

Sin Đức Văn

PHỤ LỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(kèm theo thông báo số /TB – BV ngày tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì)

I. MÁY CHẠY THẬN NHÂN TẠO.

TT	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	<p><u>I/ Cấu hình cho mỗi máy</u> Máy chính : 01 chiếc Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ (gắn sẵn) Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch môi: 01 cái Giá đỡ quả lọc: 01 cái Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc Sách Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh; Tiếng Việt: 01 bộ</p> <p><u>II/ Thông số kỹ thuật</u> Nước cung cấp Áp lực đầu vào: 1.5 – 6.0 bar. Nhiệt độ: từ 36 °C – 37 °C Đầu ra tối đa cao: 1m Nguồn cấp dịch trung tâm (nếu có) Áp lực cấp: Độ cao 1m Môi trường hoạt động Nhiệt độ trong phòng: từ 15 °C – 35 °C. Áp suất khí quyển: 700 hPa – 1060 hPa. Độ ẩm: 30% - 75%, 95% trong thời gian ngắn, không ngưng tụ Bảo quản Nhiệt độ: từ -20 °C đến +60 °C với chất chống đông, 5°C đến +60 °C không dùng chất chống đông</p> <p>1. KHỎI DÂY MÁU BÊN NGOÀI Bơm máu động mạch: Tốc độ bơm: 15 tới 600 ml/min đối với dây máu đường kính trong 8mm</p>	Máy	02

<p>Độ chính xác: $\pm 10\%$ Đường kính dây máu: 2 đến 10 mm Kiểm soát áp lực động mạch: Khoảng hiển thị: $- 300$ mmHg tới $+ 280$ mmHg Độ chính xác: ± 10 mmHg Kiểm soát áp lực tĩnh mạch: Khoảng hiển thị: $- 60$ mmHg tới $+ 520$ mmHg Độ chính xác: ± 10 mmHg Kiểm soát áp lực xuyên màng: Khoảng hiển thị: $- 60$ mmHg tới $+ 520$ mmHg Bộ phát hiện khí tĩnh mạch: Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm. Bơm Heparin: Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 - 10 ml/h Bolus: tối đa 5 ml /lần. Kích cỡ xy lanh: 10; 20 ml. Hệ thống thẩm phân kim đơn (tùy chọn) Dùng 2 bơm máu, kiểm soát áp lực bên trong/ áp lực bằng lượng nhát hút thay đổi Dòng dịch tối ưu (adapted flow) : Lưu lượng dịch lọc (Q_d) = Lưu lượng máu thực tế (Q_b) x Hệ số AdaptedFlow (F) Hệ số (F): từ 1.0 đến 2.0 với mức tăng dần 0.1 2. KHỐI THỦY LỰC Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0 – 300 – 500 – 800 ml/min Nhiệt độ dịch: $35\text{ }^{\circ}\text{C}$ - $39\text{ }^{\circ}\text{C}$ Độ dẫn điện của dịch lọc: 12.8 - 15.7 mS/cm ($25\text{ }^{\circ}\text{C}$) Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate) Tỉ lệ trộn dịch mặc định 1 + 34. Có thể thay đổi cho nhiều loại khác. Khoảng thay đổi: 125 đến 150 mmol/l Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc Tỷ lệ trộn mặc định 1 + 27.6 có thể thay đổi Khoảng thay đổi: $- 8$ đến $+ 8$ mmol/l bicarbonate Dịch bicarbonate bột Có thể phối hợp với Bibag 5008 (bột Bicarbonate) Hệ thống lọc dịch thẩm phân</p>		
--	--	--

	Màng lọc dịch: Giúp dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: $\pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc Siêu lọc Tốc độ rút ký: khoảng từ 0 - 4.00 l/h Độ chính xác: $\pm 1\%$. Tương thích với hệ số UF của màng lọc: không giới hạn Các thông số hiển thị: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút , thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút) Bộ phát hiện rò rỉ máu Độ nhạy: 0.5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa 800ml/phút. Đo độ thanh thải trực tuyến (OCM) Độ chính xác của độ thanh thải K: $\pm 6\%$ CÁC CHƯƠNG TRÌNH RỬA MÁU Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ 37°C Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn Rửa hóa chất nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn Rửa hóa chất nhiệt độ thường 37°C Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau.		
--	---	--	--

II. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC RO CHO MÁY CHẠY THẬN NHÂN TẠO. (Công suất 1000 lít/ giờ)

TT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống lọc RO				
1.1	Tank chứa nước nguồn	<ul style="list-style-type: none"> - Tank chứa nước nguồn tối thiểu bằng inox dung tích ≥ 2.000 lít - Loại bồn đứng - Chất liệu inox 304 	Cái	02	

1.2	Bơm tiền lọc và phụ kiện	<ul style="list-style-type: none"> + Chạy luân phiên theo cài đặt thời gian + Tự khởi động khi các van tự động súc rửa, hoàn nguyên các cột lọc + Máy bơm (02 cái): Tối thiểu là bơm ly tâm trục ngang, Moto bằng tối thiểu bằng gang, thân và buồng bơm, cánh bơm chất liệu tối thiểu bằng SUS304. Công suất ≥ 1 Kw 	Bộ	02	
1.3	Hệ thống lọc đa kim loại đa tầng	<p>1.3.1. Cột lọc áp lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: $D \geq 465$ mm; $H \geq 1670$ mm + Vật liệu tối thiểu bằng composite + Áp suất: $P \geq 100$ PSI + Tối thiểu đạt chứng nhận NSF hoặc tương đương <p>1.3.2. Van tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công suất max: ≥ 4 m³/h + Có thể tự động kích hoạt đóng mở các van điện từ trên đường ống liên quan khi thực hiện chương trình súc rửa. <p>1.3.3. Phụ kiện tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường ống phụ kiện tối thiểu bằng uPVC 	Bộ	01	
1.4	Hệ thống hấp phụ hữu cơ, dư lượng Chlorine, mùi màu... lọc than hoạt tính	<p>1.4.1.Cột lọc áp lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: $D \geq 465$ mm; $H \geq 1670$ mm + Vật liệu tối thiểu bằng composite + Áp suất: $P \geq 100$ PSI + Nhiệt độ t khoảng từ 1-49°C + Tối thiểu đạt chứng nhận NSF hoặc tương đương <p>1.4.2.Nguyên liệu lọc tối thiểu là Hạt than hoạt tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước hạt: ≤ 3 mm + Iodine number: ≥ 700 mg/g + Tỷ trọng: ≥ 270 kg/m³ + Độ tro (%): ≥ 8 <p>1.4.3.Van tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công suất max: ≥ 4 m³/h 	Bộ	02	

		<ul style="list-style-type: none"> + Có thể tự động kích hoạt đóng mở các van điện từ trên đường ống liên quan khi thực hiện chương trình súc rửa. <p>1.4.4. Phụ kiện tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường ống phụ kiện tối thiểu bằng uPVC 			
1.5	Hệ thống trao đổi Ion làm mềm nước	<p>1.5.1. Cột lọc áp lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước: $D \geq 465 \text{ mm}$; $H \geq 1670 \text{ mm}$ + Vật liệu tối thiểu bằng composite + Áp suất: $P \geq 100 \text{ PSI}$ + Tối thiểu đạt chứng nhận NSF hoặc tương đương <p>1.5.2. Nguyên liệu lọc: chất trao đổi ion</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công dụng trao đổi ion, khử Ca^{2+}, Mg^{2+}, (làm mềm nước) + Lượng trao đổi: $\geq 1.9 \text{ eq/l}$ + Kích thước hạt: $\leq 1200 \mu\text{m}$ + Dung trọng: $\geq 820\text{g/L}$ <p>1.5.3. Van tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công suất max: $\geq 4\text{m}^3/\text{h}$ + Có thể tự động kích hoạt đóng mở các van điện từ trên đường ống liên quan khi thực hiện chương trình súc rửa. <p>1.5.4. Thùng chứa muối hoàn nguyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứa nước muối để tái sinh hạt lọc + Thùng bằng nhựa + Bộ lọc không bị biến đổi chất lượng, dung tích: $\geq 200 \text{ lít}$ + Tối thiểu có dây ống hút muối kết nối với van tự động <p>1.5.6. Phụ kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường ống phụ kiện tối thiểu bằng uPVC 	Bộ	01	
1.6	Bộ lọc Cartridge 5 micromet	<p>1.6.1. Phin lọc: Áp lực: $\geq 0,05 \text{ Mpa}$</p> <p>1.6.2. Lõi lọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lõi lọc Cartridge khoảng 5 micromet, chất liệu tối thiểu bằng Polypropylen + Kích thước lỗ lọc $\leq 5 \text{ micron}$ + Áp lực max: $\geq 0,3 \text{ Mpa}$ + Nhiệt độ max: $\geq 60^\circ\text{C}$ 	Bộ	01	

1.7	Bơm tăng áp đa tầng	<p>1.7.1. Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bơm tăng áp suất cao qua các màng lọc thẩm thấu ngược R.O + Có thể tự khởi động khi đủ áp đầu vào; Tự dừng khi thiếu áp đầu vào và quá áp đầu ra <p>Máy bơm (02 cái):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Moto tối thiểu bằng gang, thân và tầng cánh bơm tối thiểu bằng SUS304 + Công suất ≥ 2.2 Kw + $Q = \geq 1 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = \geq 136 \text{ m}$ + Mức độ bảo vệ tối thiểu IP 55 	Cái	02	
1.8	Màng lọc thẩm thấu ngược RO	<ul style="list-style-type: none"> - Áp lực vận hành $\geq 1300 \text{ kPa}$ - Áp lực vận hành tối đa $\geq 4000 \text{ kPa}$ - Khả năng loại bỏ muối : $\geq 99 \%$ - Nhiệt độ tối đa: Hoạt động liên tục $\geq 45^\circ\text{C}$ - Khoảng pH hoạt động: ≤ 2 đến ≥ 11 - Lưu lượng nước xử lý $\geq 9 \text{ m}^3/\text{ngày}$ - Mật độ chỉ số bùn đầu vào (SDI) < 5 - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn NSF/ANSI hoặc tương đương 	Bộ	04	
1.9	Tủ điện điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ điều khiển tối thiểu có thể hiển thị các thông số kỹ thuật, chất lượng nước RO, nước thải 	Bộ	01	
1.10	Lưu lượng kế	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đo: ≤ 4 đến $\geq 36 \text{ LPM}$ 	Cái	02	
1.11	Đồng hồ áp suất	<ul style="list-style-type: none"> - Thang đo: ≤ 1 đến $\geq 5 \text{ kg/cm}^2$ và 120 ppm 	Cái	02	

1.12	Thiết bị đo chất lượng nước và nhiệt độ của nước	- Đầu dò: ≤ 0 đến $\geq 150^{\circ}\text{C}$	Cái	01	
1.13	Khung để lắp các thiết bị	1.13.1. Khung máy bơm tiền lọc: + Vật liệu tối thiểu bằng inox 304 hoặc tương đương + Chân có đệm cao su chống rung hoặc tương đương 1.13.2. Khung máy R.O: + Vật liệu tối thiểu bằng thép chống rỉ + Có bánh xe	Cái	02	
2	Hệ thống đường ống cấp nước cho máy thận:				
2.1	Hệ thống đường ống cấp nước R.O tuần hoàn cho máy chạy thận	- Ống dẫn nước R.O chất liệu tối thiểu bằng uPVC - Nhiệt độ max: $\geq 60^{\circ}\text{C}$	Hệ thống	01	
2.2	Đường ống thoát nước thải cho máy thận	- Hệ thống đường ống thoát nước thải của máy thận tối thiểu là ống bằng PVC	Hệ thống	01	
3	Hệ thống cấp nước cho rửa quả lọc thận nhân tạo				
3.1	Hệ thống đường ống cấp nước R.O tuần hoàn rửa quả	- Ống dẫn nước R.O chất liệu tối thiểu bằng uPVC - Nhiệt độ max: $\geq 60^{\circ}\text{C}$	Hệ thống	01	
3.2	Bơm cấp nước cho hệ thống rửa quả lọc thận nhân tạo	Bơm ly tâm trục ngang, Moto tối thiểu bằng gang, thân và buồng bơm, cánh bơm chất liệu tối thiểu bằng SUS304 + Công suất $\geq 0,75$ Kw + $Q = \geq 1,2 \text{ m}^3/\text{h}$, $H \geq 28 \text{ m}$	Cái	02	

		+ Mức độ bảo vệ tối thiểu IP 55			
3.3	Đèn cực tím UV	- $Q \geq 2\text{m}^3/\text{h}$ - Công suất $\geq 35\text{W}$ - Áp lực max: $\geq 8,62\text{ bar}$	Bộ	02	
3.4	Bộ lọc sát khuẩn	- Cấp độ lọc: $\leq 0,2\text{ }\mu\text{m}$, chất liệu tối thiểu bằng Polypropylene - Chiều dài $\geq 250\text{ mm}$ - Áp lực tối đa $\geq 0,2\text{ Mpa}$	Bộ	02	
3.5	Bộ khung giá lắp đặt thiết bị	- Vật liệu tối thiểu bằng inox 304 - Chân tăng đỡ có đệm tối thiểu bằng cao su chống rung	Bộ	01	
3.6	Máng rửa quả lọc thận	- Chất liệu khung vỏ tối thiểu bằng Inox 304 - Kích thước tối thiểu $1500 \times 450 \times 1600\text{ mm}$, dày $\geq 1.2\text{mm}$; sai số $\pm \leq 10\%$ - Số lượng cổng rửa ≥ 04 cổng + Đầu kết nối đường dịch của quả lọc ≥ 08 cái + Đầu kết nối đường máu của quả lọc ≥ 08 cái Số lượng cổng nạp hóa chất ≥ 01 cổng + Máy quay hoá chất ≥ 01 cái	Cái	02	
3.7	Tủ bảo quản quả lọc	+ Dung tích: $\geq 200\text{ Lít}$ + Nhiệt độ bảo quản: $\leq 15^\circ\text{C}$	Cái	01	
4	Tank chứa nước R.O thành phẩm vi sinh	- Dung tích: $\geq 1500\text{ lít}$ - Tank đứng chất liệu tối thiểu bằng inox SUS 304, dưới chỏm nón, trên chỏm cầu dày $\geq 3\text{ mm}$, thân $\geq 2\text{ mm}$, có cơ cấu phun nước - Bộ báo mức mực nước tối thiểu bằng sensor cảm biến áp suất - Lọc khí cân bằng áp, ngăn bụi và vi sinh vào tank chứa nước R.O, màng lọc $\leq 0.2\text{ micron}$ - Đèn UV xử lý vi sinh thứ cấp công suất: $\geq 1\text{ m}^3/\text{h}$	Bộ	01	
5	Kiểm định chất lượng nước đầu ra	- Nước đầu ra của hệ thống lọc nước RO đạt yêu cầu theo Quyết định 2482/QĐ-BYT ngày 13 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật thận nhân tạo.	Mẫu	01	
		Cộng: 01 hệ thống.			

Tên công ty:.....

Phụ Lục II

Địa chỉ:

Điện thoại.....Mã số thuế.....

Số tài khoản.....tại ngân hàng.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Hoàng Su Phì.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

